

Biểu số: 0501.4/BTNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số
20/2018/TT-BTNMT, ngày 08/11/2018 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/3 năm sau

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ

Năm.....

Đơn vị báo cáo: Tổng cục Khí
tượng Thủy văn

Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Kế
hoạch - Tài chính

Đơn vị tính: °C

STT	Trạm và thông số quan trắc	Mã số	Tọa độ		Tháng												Cả năm
			Kinh độ	Vĩ độ	I	II	III	IV	V	VI	VI I	VIII	IX	X	XI	XI I	
A	B	C	1	2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Trạm quan trắc A																
1.1	Nhiệt độ trung bình																
1.2	Nhiệt độ cao nhất																
	Ngày xảy ra																
1.3	Nhiệt độ thấp nhất																
	Ngày xảy ra																
2	Trạm quan trắc B																
																	

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 0501.4/BTNMT. Nhiệt độ không khí

1. Phạm vi thống kê

Thống kê số liệu quan trắc về nhiệt độ trung bình, nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ thấp nhất theo từng tháng và cả năm tại các trạm quan trắc đại diện trên phạm vi cả nước.

Danh mục các trạm quan trắc bao gồm các trạm quan trắc khí tượng hiện có theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi các chỉ tiêu quan trắc (nhiệt độ trung bình, nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ thấp nhất) theo từng trạm quan trắc;

Cột C: ghi mã số các trạm quan trắc;

Cột D, E: ghi tọa độ các trạm quan trắc (kinh độ, vĩ độ);

Cột 1 đến cột 12: ghi giá trị quan trắc (nhiệt độ trung bình, nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ thấp nhất) của từng tháng tại các trạm quan trắc;

Cột 13: ghi giá trị quan trắc (nhiệt độ trung bình, nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ thấp nhất) của cả năm tại các trạm quan trắc.

3. Nguồn số liệu

Số liệu quan trắc, báo cáo của các Trạm khí tượng.